

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

=/=

Bản án số: 113 /2020/KDTM-PT

Ngày 17/7/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc.**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Tuyết Băng**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 152/2019/TLPT- KDTM ngày 24/12/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐ-PT ngày 03/3/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐ-PT ngày 27/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2020/QĐ-PT ngày 27/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2020/QĐ-TP ngày 29/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2020/QĐ-PT Ngày 06/6/2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 340/TB-TA ngày 2/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 25A Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Đào Quang T- Tổng Giám đốc VDB.**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Giao dịch I-VDB. Theo Giấy ủy quyền số 79/GUQ.NHPT.SGDI ngày 16/7/2019 của ông Nguyễn Mạnh H cho Bà Lê Thị H. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng A: Luật sư Trần

Quốc H, Hoàng Y, Văn phòng luật sư Trần Quốc H, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Luật sư Hùng có mặt; Luật sư Yến vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần B

Trụ sở: Số 5 Ngõ 120 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo chỉ định: Bà Ngô Thị H- Phó tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng Đ – Luật sư văn phòng luật sư Đ và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Nghệ An (theo giấy ủy quyền số 0205/2020/THV- GUQ ngày 02/05/2020).

(Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1956

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: D21 Phương Mai (Nay là số 5 ngõ 120 Trường Trinh), phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại trại giam B14- Bộ Công an.

2- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1963

Nơi cư trú: số 5 ngõ 120 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. (Vắng mặt).

3. Công ty Cổ phần C

Trụ sở tại địa chỉ: Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị H - Tổng Giám đốc.

(Vắng mặt).

4. Công ty Cổ phần D(trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

Trụ sở tại địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà Artex 172 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện ủy quyền: Ông Vũ Xuân T; bà Phan Thị Thu H.

(Ông T có mặt; bà H vắng mặt).

5 Anh Nguyễn Đăng N, sinh năm 1990

6. Chị Trần Huyền T, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ngách 518 Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Cùng trú tại: Số 5 ngõ 120 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N, chị T là: Ông Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Số nhà 24 đường Hồ Sỹ Đống, khối Trung Hòa 2, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai Tại Tòa án đại

diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, VDB-Sở Giao dịch I đã cho Công ty Cổ phần B vay vốn để thu mua, chế biến cà phê xuất khẩu theo 06 Hợp đồng tín dụng xuất khẩu với tổng giá trị **109.800.000.000 đồng**, cụ thể như sau:

TT	HĐTDXK (số, ngày)	Số tiền cam kết giải ngân tại HĐTD (đồng)	Thực tế giải ngân		Cam kết trả nợ gốc (trả 1 lần)
			Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân (đồng)	
1	03/2011/HĐTDXK- NHPT.SGDI ngày 26/01/2011	11.100.000.000	28/01/2011	11.100.000.000	05/8/2011
2	04/2011/HĐTDXK- NHPT.SGDI ngày 26/01/2011	18.700.000.000	28/01/2011	18.700.000.000	20/7/2011
3	17/2011/HĐTDXK- NHPT.SGDI ngày 08/6/2011	20.000.000.000	10/6/2011	20.000.000.000	14/12/2011
4	19/2011/HĐTDXK/ NHPT.SGDI ngày 15/6/2011	20.000.000.000	20/6/2011	20.000.000.000	15/11/2011
5	23/2011/HĐTDXK- NHPT.SGDI ngày 22/6/2011	20.000.000.000	27/6/2011	20.000.000.000	03/01/2012
6	27/2011/HĐTDXK- NHPT.SGDI ngày 28/6/2011	20.000.000.000	29/6/2011	20.000.000.000	10/01/2012
Tổng cộng:		109.800.000.000		109.800.000.000	

Mức lãi suất cho vay được áp dụng đối với các khoản vay trên cụ thể:

+ Lãi suất trong hạn: Từ khi cho vay đến ngày 31/12/2014 áp dụng lãi suất là 15%/năm; từ 01/01/2015 đến nay áp dụng lãi suất là 11%/năm (đối với các khoản vay theo HĐTD 03/2011, 04/2011) và 11,4%/năm (đối với các khoản vay theo HĐTD 17/2011, 19/2011, 23/2011, 27/2011).

+ Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên nợ gốc và lãi chậm trả.

Lãi vay phải trả hàng tháng, bắt đầu trả lãi từ khi có dư nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa mới thanh toán trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là : 1.903.000.000 đồng. Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 20/01/2018, Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là **107.897.000.000 đồng**; Nợ lãi là **187.237.694.186 đồng**.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên gồm:

1-Tài sản cầm cố Cổ phiếu THV với số lượng 18.637.500 cổ phiếu -do Công ty Thái Hòa phát hành thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn A theo Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 31/2010/HĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSDCC-NHPTVN.SGDI ngày 27/5/2011, Hợp đồng bổ sung số 02.31/2010/HĐSDCC-NHPT.SGDI ngày 06/9/2012 ký giữa Ngân hàng A- Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A.

2- Tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở đối với căn hộ số 603 (số BQL: B622, diện tích 227,5m²) - Tòa nhà The Manor - Mỹ Đình, huyện Từ Liêm (Nay là quận Nam Từ Liêm), Thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Văn A - Bà Ngô Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011 ký giữa VDB-Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A, Bà Ngô Thị H.

3- Tài sản thế chấp theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay ký giữa Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng với Chi nhánh VDB Lâm Đồng (gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 19/02/2009, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất số 01/2010/HĐTCTS(GLVĐ)-NHPT ngày 12/7/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 18/11/2008, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTCTS ngày 19/11/2007, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2007/HĐTCTS ngày 12/9/2007 cùng các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo).

4-Tài sản thế chấp theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay ký giữa Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Quảng Trị với Ngân hàng A- Chi nhánh Quảng Trị (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/HĐTCTS-NHPT PC ngày 27/6/2008, Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 22/12/2008 cùng các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo).

5- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với Chi nhánh Ngân hàng phát triển Việt Nam- chi nhánh Sơn La.

Từ năm 2011 đến nay, Ngân hàng A-Sở Giao dịch I đã thực hiện nhiều biện pháp về thu nợ, xử lý nợ đối với các khoản vay nêu trên của Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa và căn cứ chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về xử lý nợ xấu tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng A, Ngân hàng đã thực hiện xóa nợ lãi phạt tính trên dư nợ lãi chậm trả phát sinh đến ngày 31/12/2015 của 06 Hợp đồng tín dụng nêu trên cho Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa với tổng số tiền lãi phạt là: **49.636.623.649 đồng**. Nhưng Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 107.897.000.000 đồng và nợ lãi phải trả nhưng chưa trả đến thời điểm Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với VDB-Sở Giao dịch I.

- Buộc Ông Nguyễn Văn A, Bà Ngô Thị H, Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Quảng Trị, Công ty Cổ phần C thực hiện xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi các khoản nợ vay của Công ty Thái Hòa tại VDB-Sở Giao dịch I.

* Ngày 28/03/2019, Ngân hàng A sửa đổi, bổ sung nội dung Đơn khởi kiện ngày 29/5/2017 nêu trên như sau:

Tổng số thu nợ gốc của các khoản vay theo 06 Hợp đồng tín dụng xuất khẩu trên đến nay là 9.992.156.634 đồng (trong đó: Công ty Cổ phần B trả nợ gốc được 1.903.000.000 đồng và 8.089.156.634 đồng từ tiền bán tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần C do Ngân hàng A-Chi nhánh Sơn La chuyển cho Ngân hàng A-Sở Giao dịch I) tính đến ngày 20/3/2019, Công ty Cổ phần B còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là: 99.807.843.366 đồng và nợ lãi là: 239.083.991.002 đồng.

❖ Ngân hàng rút yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Quảng Trị và một phần tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần C, vì đã được bán đấu giá và hiện liên quan trong vụ án “tranh chấp về xử lý tài sản thế chấp” giữa Công ty Cổ phần C với Ngân hàng A - Chi nhánh Sơn La.

Ngân hàng chỉ yêu cầu tòa án xem xét đối với các tài sản đảm bảo sau:

1. 18.637.500 cổ phiếu (bao gồm: 17.750.000 cổ phiếu THV cầm cố ban đầu và phần cổ tức năm 2010 phát sinh từ 17.750.000 cổ phiếu THV là 887.500 cổ phiếu THV) thuộc sở hữu của ông An, với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 31/2010/HĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSDCC-NHPTVN.SGDI ngày 27/5/2011, Hợp đồng bổ sung số 02.31/2010/HĐBSCC-NHPT.SGDI ngày 06/9/2012 ký giữa Ngân hàng A -Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A.

2. Căn hộ số 603 (số BQL: B622, diện tích 227,5m²) - Tòa nhà The Manor - Mỹ Đình - Xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm (nay là Phường Mỹ Đình 1 - Quận Nam Từ Liêm) - Thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011 ký giữa Ngân hàng A-Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H.

3. 03 Nhà thu mua nông sản tại địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản - Xã Chiềng Mung - Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La; Tiểu khu I - Phường Chiềng Sinh - thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La; Bản Co Pục - xã Chiềng Ngần - thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/ HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với Ngân hàng A-Chi nhánh

Sơn La; Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2018 ký giữa Công ty Cổ phần C, Công ty Cổ phần B, Ngân hàng A-Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng A-Sở Giao dịch I.

4. Tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Lâm Đồng với Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng (trước đây là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng) gồm:

4.1. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 19/02/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay sửa đổi, bổ sung số 02/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 16/12/2011. Tổng giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 95.778.770.000 đồng.

4.2. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất số 01/2010/HĐTCTS(GLVĐ)-NHPT ngày 12/7/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất sửa đổi, bổ sung số 03/2011/HĐTCTS (GLVĐ)-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011. Tổng giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 92.545.314.958 đồng.

4.3. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2007/ HĐTCTS ngày 12/9/2007, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2008/ HĐTCTS ngày 10/8/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 01A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011: Tổng giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 4.564.723.808 đồng.

4.4. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTC TS ngày 19/11/2007, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 02B/2008/HĐTCTS ngày 08/01/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 02C/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011: Giá trị định giá của tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 935.000.000 đồng.

4.5. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 18/11/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011: Giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 1.013.000.000 đồng.

Đề nghị Tòa án buộc Ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H, buộc Công ty Cổ phần C phối hợp với Công ty Cổ phần B xử lý các tài sản bảo đảm tiền vay nêu tại khoản 1, 2, 3 thuộc Mục II của Đơn này để thu hồi các khoản nợ của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng A-Sở Giao dịch I.

Đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng phối hợp với Công ty Cổ phần B xử lý các tài sản bảo đảm tiền vay nêu trên để thu hồi các khoản nợ của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng A-Sở Giao dịch I. Đối với tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng thì số tiền thu được

từ việc xử lý tài sản bảo đảm này được sử dụng để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm tại Ngân hàng A-Chi nhánh Lâm Đồng trước, phần còn lại (nếu còn) mới được sử dụng để đảm bảo thực hiện cho nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng A-Sở Giao dịch I và các khoản vay của các đơn vị thành viên khác của Công ty Cổ phần B tại hệ thống Ngân hàng A.

Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, đại diện bị đơn Công ty cổ phần B do ông Nguyễn Văn A đại diện theo pháp luật trình bày: Chúng tôi xác nhận tại thời điểm năm 2010-2011 chúng tôi có vay theo Nghị định 175 về tín dụng xuất khẩu của Ngân hàng A- Sở giao dịch 1. Tổng nợ gốc của Công ty chưa trả đến nay là 108 tỷ chưa kể lãi phát sinh. Các khoản vay trên của công ty, được sử dụng vào mục đích kinh doanh theo Nghị định 175 và Nghị định 133 (sửa đổi); Các số liệu ông thống nhất theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A- Sở giao dịch 1 Hà Nội.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Theo Nghị định 175 là tối thiểu 30% cho khoản vay, trong đó ông đã dùng tài sản cá nhân của ông là căn hộ và hợp đồng mua bán căn hộ tại B622 Themanor, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội có diện tích theo Hợp đồng mua bán là 223 m² và sổ cổ phiếu của ông là 17 triệu cổ phiếu để thế chấp cho Ngân hàng. Sổ cổ phiếu này hiện đang bị phong tỏa tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Nhà Nước.

Ngoài ra, một số đơn vị thành viên của Công ty cổ phần B cũng dùng tài sản bảo đảm nghĩa vụ chung cho khoản vay của Ngân hàng A - Sở giao dịch 1. Số liệu chi tiết ông nhất trí theo số liệu của Ngân hàng A- Sở Giao dịch I.

Phần cá nhân bảo lãnh là khách quan, không vụ lợi, không hưởng lợi tài khoản vay . Cá nhân ông và bà Hạnh đã đồng ý đưa tài sản để bảo lãnh cho Công ty, tại thời điểm thế chấp tài sản thế chấp chỉ là Hợp đồng mua bán giữa chủ hộ gia đình và công ty BIIttico (công ty bán nhà). Sau khi công ty BIIbico hoàn thành nghĩa vụ thuê với nhà nước đã cấp sổ đỏ cho gia đình và gia đình đồng ý giao sổ đỏ cho ngân hàng quản lý. Tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà không được bổ sung vào hợp đồng tín dụng và chưa thực hiện quyền giao dịch bảo đảm tài sản.

Do vậy, ông đề nghị Tòa án cần xem xét rõ tính hợp pháp của hồ sơ để đưa ra xử lý đúng với qui định của pháp luật.

Ông An khẳng định ông là người ký các khoản vay và có trách nhiệm với khoản nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đăng N và chị Trần Huyền T trình bày:

Công ty cổ phần B có dùng tài sản thế chấp là căn hộ B622 Themaner, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội . Là tài sản của gia đình anh, chị gồm bố, mẹ anh chị và anh chị. Tại thời điểm thế chấp anh Ninh đã trên 17 tuổi nhưng khi ký bảo lãnh thế chấp anh Ninh không hề biết việc Công ty Thái Hòa có dùng tài sản này để thế chấp cũng như anh được bố mẹ anh thông báo về việc thế

chấp này chỉ là thể chấp hợp đồng mua bán nhà chứ không phải là giấy tờ quyền sử dụng nhà.

Do vậy, anh đề nghị Tòa án tách tài sản này ra, không đưa vào việc xử lý tài sản giữa Ngân hàng A và Công ty cổ phần B.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần chứng khoán Angribak trình bày:** Ngày 22/11/2010, Ông Nguyễn Văn A mở tài khoản chứng khoán số 008C121999 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán số 121999/KH-AGRISECO giữa ông Nguyễn Văn A và Công ty Chứng khoán Nông nghiệp.

Ngày 07/12/2010, ông An có 22.750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần B ("cổ phiếu THV") vào tài khoản 008C12199. Ngày 23/07/2012, ông An nhận cổ tức thêm 1.137.500 cổ phiếu THV.

Ngày 27/12/2010, thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng A – Sở giao dịch 1, Agriseco đã phong tỏa 17.750.000 cổ phiếu của THV của ông An. Ngày 12/9/2012, VDB Sở Giao dịch I tiếp tục yêu cầu Agriseco phong tỏa 887.500 cổ phiếu THV của ông An là cổ tức năm 2010 phát sinh 17.750.000 cổ phiếu THV nói trên. Như vậy tổng số cổ phiếu THV mà Ngân hàng A - Sở giao dịch I yêu cầu Agriseco phong tỏa để đảm bảo nghĩa vụ của ông An là 18.637.500 cổ phiếu THV.

Từ tháng 3/2016, Agriseco bắt đầu thu phí lưu ký của khách hàng theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo Thông báo biểu phí dịch vụ số 66/16/CKNN-KTLK ngày 12/01/2016 của Agriseco. Agriseco đã có Công văn số 545/2016/CKNN-KTLK ngày 20/06/2016 về việc rút và ngừng phong tỏa chứng khoán của khách hàng Nguyễn Văn A trong đó yêu cầu ông An thanh toán phí lưu ký từ tháng 3 đến 5 năm 2016 số tiền là 28.665.000 đồng nhưng không nhận được phản hồi từ ông An.

Ngày 23/09/2016, Agriseco gửi Công văn số 815/2016/CKNN-KTLK về việc thanh toán phí lưu ký chứng khoán của khách hàng Nguyễn Văn A đến Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Sở giao dịch I, yêu cầu Sở giao dịch I thanh toán phí lưu ký của 18.637.500 cổ phiếu THV từ tháng 3/2016 đến tháng 9/2016 là 53.054.750 đồng.

Ngày 10/04/2017, Ngân hàng A - Sở giao dịch I gửi Công văn số 434/NHPT.SGDI-TDXK về cổ phiếu THV của ông Nguyễn Văn A đến Agriseco, từ chối thanh toán phí lưu ký chứng khoán theo yêu cầu của Agriseco.

Agriseco đã gửi yêu cầu đề nghị ông An phải thanh toán trả tiền phí lưu ký cho Agriseco, nhưng ông An vẫn không thực hiện thanh toán phí lưu ký chứng khoán cho Agriseco. Hiện nay, tài khoản của ông An đang nợ phí lưu ký tại Agriseco là 341.807.931 đồng (số liệu tính đến hết tháng 02/2019) và số tiền này sẽ tăng lên theo thời gian lưu ký trên tài khoản tại Agriseco (phí lưu ký hàng tháng là 7.570.250 đồng). Việc phong tỏa tài khoản chứng khoán số 008C121999 được Agriseco thực hiện theo VDB Sở giao dịch I như đã đề cập ở trên, đã kéo dài từ năm 2010 đến nay mà Agriseco không thu được phí lưu ký chứng khoán, dẫn tới

việc Agriseco bị tổn thất rất nhiều trong hoạt động kinh doanh. Do đó, chúng tôi đề nghị ông An và Ngân hàng A- Sở giao dịch I phải thực hiện thanh toán khoản nợ phí lưu ký tương ứng mà Agriseco đã yêu cầu và đề nghị Quý tòa xem xét, giải quyết vụ việc đúng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Agriseco.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng phát tiền Việt Nam về việc yêu cầu thanh toán theo hợp đồng tín dụng đối với Công ty cổ phần B.

2. Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho phải trả Ngân hàng A - Sở Giao dịch I là khoản tiền nợ gốc, lãi tính đến hết ngày 30/5/2019 số tiền là: 347.760.552.890 đồng, cụ thể như sau:

TT	HĐTD (số, ngày)	Tổng số	Dư nợ đến hết ngày 30/5/2019			
			Gốc	Lãi		
				Tổng số	Trong đó	
					Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
1	03/2011/HĐ TDXK- NHPT.SGDI ngày 26/01/2011	22.983.314.781	1.172.843.366	21.810.471.415	878.750.000	20.931.721.415
2	04/2011/HĐ TDXK- NHPT.SGDI ngày 26/01/2011	62.494.438.602	18.700.000.000	43.794.438.602	1.355.750.001	42.438.688.601
3	17/2011/HĐ TDXK- NHPT.SGDI ngày 08/6/2011	65.595.978.336	19.935.000.000	45.660.978.336	1.066.666.666	44.594.311.670
4	19/2011/HĐ TDXK/NHPT. SGDI ngày 15/6/2011	65.633.022.611	20.000.000.000	45.633.022.611	983.333.332	44.649.689.279
5	23/2011/HĐ TDXK- NHPT.SGDI ngày 22/6/2011	65.540.164.699	20.000.000.000	30.891.999.999	924.999.999	44.615.164.700
6	27/2011/HĐ TDXK- NHPT.SGDI ngày 28/6/2011	65.513.633.861	20.000.000.000	45.540.164.699	908.333.332	44.605.300.529
	Tổng cộng:	347.760.552.890	99.807.843.366	247.952.709.524	6.117.833.330	241.834.876.194

Lãi suất cho vay được áp dụng đối với các khoản vay trên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả dứt điểm nợ cho VDB - Sở Giao dịch I.

Án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VDB - Sở Giao dịch I có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là:

+ Tài sản cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 31/2010/HĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 27/5/2011, Hợp đồng bổ sung số 02.31/2010/HĐBSCC-NHPT.SGDI ngày 06/9/2012 ký giữa VDB-Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A (*Bên cầm cố*):

- Tên tài sản cầm cố: Cổ phiếu THV do Công ty Thái Hòa phát hành thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn A, số lượng 18.637.500 cổ phiếu (bao gồm: 17.750.000 cổ phiếu THV cầm cố ban đầu và phần cổ tức năm 2010 phát sinh từ 17.750.000 cổ phiếu THV là 887.500 cổ phiếu THV). Mệnh giá cổ phiếu THV: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Giá trị định giá của tài sản cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tài sản ban đầu là 88.750.000.000 đồng và theo Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 27/5/2011 là 77.212.500.000 đồng.

+ Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011 ký giữa VDB-Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H:

- Tên tài sản thế chấp: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn hộ số 603 (số BQL: B622, diện tích 227,5m²) - Tòa nhà The Manor - Mỹ Đình - Xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm (*nay đã chuyển đổi thành phường Mỹ Đình 1 - quận Nam Từ Liêm*) - Thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H.

- Giá trị định giá của tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba nêu trên: 5.000.000.000 đồng.

+ Tài sản thế chấp gồm 03 Nhà thu mua nông sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/ HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với VDB-Chi nhánh Sơn La; Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2018 ký giữa Công ty Cổ phần C, Công ty Cổ phần B, VDB-Chi nhánh Sơn La và VDB-Sở Giao dịch I:

- Tên tài sản thế chấp: 03 Nhà thu mua nông sản tại địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản - xã Chiềng Mung - huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn La; Tiểu khu I - phường Chiềng Sinh - thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La; Bản Co Pục - xã Chiềng Ngần - thành phố Sơn La - tỉnh Sơn La.

- Tổng giá trị định giá của 03 Nhà thu mua nông sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên: 30.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về rút yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là:

1. Các tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Quảng Trị theo các Hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa VDB-Chi nhánh Quảng Trị với Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Quảng Trị:

1.1 Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/ HĐTCTS-NHPT PC ngày 27/6/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/HĐTCTS-NHPT PC ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 09/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 01/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 05/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011:

TT	Tên tài sản	Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay (đồng)
1	Máy tách màu cà phê hiệu GENIUS do Công ty XELTRON (Costarica) sản xuất	1.879.368.293
2	Xe ô tô Toyota Fortuner 07 chỗ ngồi, màu đen, động cơ Diezen 4 kỳ, dung tích xi lanh 2.982 cc, Model KUN51L-NKPSYM01, sản xuất tại Thái Lan, số khung MR0YZ59G700049025, số máy 1KD7229113, biển số 74LB-0042	258.996.861
3	Xe ô tô tải GAZ màu trắng, sản xuất tại Nga năm 2005, số khung 900*50883916, số máy 176958, biển số 74K-6570	165.621.304
4	Hệ thống 02 máy sấy trồng quay sức chứa 24 m ³ /máy (gồm: 02 máy sấy trồng quay; băng rải rulô B500-7.5 gom cà phê sau khi sấy; vít tải VT320-5.5 rải hạt trên trồng sấy; hệ thống máy thổi khí nóng, quạt nhiệt; Lò	837.987.945

	đốt than đá gián tiếp ...)	
	Tổng cộng:	3.141.974.403

1.2 Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 22/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 10/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 02/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 06/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011:

TT	Tên tài sản	Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay (đồng)
1	Khách sạn Thái Ninh, nhà điều hành, khu mát xa, nhà bán cà phê và toàn bộ tài sản, thiết bị đi kèm.	27.000.000.000

2. Các tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần C đã được bán đấu giá là các tài sản nêu tại Tiết 1.1.1 thuộc Điều 1.1, Khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với VDB-Chi nhánh Sơn La:

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay (đồng)
A-	<i>Nhà cửa vật kiến trúc ở Chiềng Mung:</i>			24.380.000.000
1	Tổng kho thành phẩm	m ²	6.448	6.070.000.000
2	Xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 1)	m ²	630	1.260.000.000

3	Xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 2)	m ²	630	1.260.000.000
4	Nhà ở công nhân	m ²	126	250.000.000
5	Nhà văn phòng làm việc			
	- Nhà làm việc số 1	m ²	175	370.000.000
	- Nhà làm việc số 2	m ²	98	210.000.000
6	Sân văn phòng	m ²	250	30.000.000
7	Sân đường, bờ kè taluy	Công trình	01	4.210.000.000
8	Trạm cân điện tử			
	- Nhà trạm cân	m ²	37	50.000.000
	- Bàn cân	Cái	01	220.000.000
9	Bể chứa nước thải			
	- Bể có nắp đậy	m ³	2.597	4.000.000.000
	- Bể không có nắp đậy	m ³	140	160.000.000
10	Nhà xưởng sát tươi:			
	- Nhà xưởng	m ²	1.050	3.030.000.000
	- Bể ủ lên men	m ³	264	570.000.000
	- Bể móng máy	m ³	460	680.000.000
	- Bể chứa nguyên liệu	m ³	242	280.000.000
	- Bể chứa nước sản xuất	m ³	900	570.000.000

11	Bể xử lý nước thải	m ³	516	570.000.000
12	Tường rào	m	500	120.000.000
13	Nhà 02 tầng	m ²	390	320.000.000
14	Nhà kho mua của Đức Sơn	m ²	36	30.000.000
15	Trạm điện	Công trình	01	120.000.000
B-	Nhà cửa vật kiến trúc ở Mường Hồng:			1.490.000.000
1	Nhà điều hành chăn nuôi tại Mường Hồng	m ²	83	60.000.000
2	Nhà chứa cỏ	m ²	54	30.000.000
3	Trại nuôi lợn	m ²	1.728	180.000.000
4	Trại nuôi bò			
	- Trại số 01	m ²	936	570.000.000
	- Trại số 02	m ²	360	220.000.000
5	Trại nuôi nhím	m ²	172	30.000.000
6	Nhà văn phòng	m ²	110	110.000.000
7	Nhà ở nhân viên	m ²	68	70.000.000
8	Nhà điều hành	m ²	57	20.000.000
9	Tường rào bao quanh	Công trình	01	200.000.000
C-	Máy móc thiết bị:			10.140.000.000

1	Dây chuyền chế biến cà phê quả ướt (Pinhalense)	Bộ	02	8.820.000.000
2	Xe con (nhãn hiệu Ford Everest)	Chiếc	01	620.000.000
3	Xe nâng	Chiếc	02	700.000.000
	Tổng:			35.990.000.000

4. Tách và giành quyền khởi kiện bằng vụ án khác giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn A và Ngân hàng A- Sở giao dịch I.

5. Bác yêu cầu hợp đồng căn hộ B622 thuộc tòa nhà The Manor là vô hiệu và tách ra một vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm ngày 13/6/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đăng N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc xử lý tài sản thế chấp căn hộ B622 tầng 6, tòa nhà The Manor, Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Ngày 13/6/2019 bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án sau khi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử ông Nguyễn Văn A bị cơ quan điều tra Bộ Công an bắt tạm giam, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông An và lấy lời khai của ông An về yêu cầu kháng cáo. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2020 và ngày 03/7/2020, ông An vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày trước đây tại Tòa án. Ông An xác nhận ngoài các tài liệu đã nộp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án

Nguyên đơn: đề nghị Tòa án không giải quyết đối với tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng. Các đương sự nhất trí về việc nguyên đơn rút yêu cầu này của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đăng N do ông Hoàng Trọng Đ đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét tách việc giải quyết đối với tài sản thế chấp là diện tích nhà tại Căn hộ 603 B622 tầng 6 Tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Các đương sự đều xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn sau khi phân tích nội dung vụ án có quan điểm: Căn hộ 603 (B622) tầng 6 (nay là tầng 7/11) Tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội, theo Hợp đồng mua bán và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đều mang tên ông Nguyễn Văn A, bà Ngô Thị H. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông An, bà Hạnh. Việc các bên ký kết hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Anh Ninh cho rằng đây là tài sản chung của gia đình nhưng anh Ninh không xuất trình được chứng cứ chứng minh công sức đóng góp vào khối tài sản này. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông An, bà Hạnh, anh Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Hạnh vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hạnh.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, anh Nguyễn Đăng N; Đình chỉ đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng. Áp dụng khoản 2 Điều 308. Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Đăng N làm trong thời hạn luật định. ông An, bà Hạnh, ông Ninh đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H: xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm bà Hạnh có đơn kháng cáo, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng

đạt hợp lệ Quyết định xét xử và các Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa cho bà Hạnh, nhưng bà Hạnh vẫn vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bà Hạnh được coi là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hạnh.

[1.1]. Về người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Quyết định xét xử, và các quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị H; Công ty cổ phần C do bà Ngô Thị H đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do; Đối với ông Nguyễn Văn A hiện đang bị tạm giam tại trại giam B14 – Bộ Công an. Ông An có đề nghị được tham gia phiên tòa. Ngày 07/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có công văn số 112/2020/CV-TKT xin trích xuất ông Nguyễn Văn A để tham gia phiên tòa ngày 17/7/2020, nhưng không được chấp nhận vì Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đang thụ lý vụ án hình sự sơ thẩm số 126/2020/HSST ngày 29/4/2020 đối với bị can Nguyễn Văn A, vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và có tính chất phức tạp nên không được trích xuất bị can Nguyễn Văn A ra phiên tòa vào thời gian trên”. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt các đương sự và luật sư.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B là ông Nguyễn Văn A, hiện nay ông An đang bị Tạm giam tại trại tạm giam B14- Bộ Công an. Ngày 28/4/2020, Tòa án đã ra thông báo số 207 đề nghị Công ty cổ phần B cử người đại diện cho Công ty, nhưng Công ty không cử người đại diện, nên ngày 19/5/2020 Tòa án đã ra quyết định số 201/QĐ-CD chỉ định Bà Ngô Thị H – Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần B là người đại diện cho Công ty cổ phần B. Ngày 02/6/2020, bà Ngô Thị H có đơn đề nghị đình chỉ quyết định chỉ định số 210/QĐ-CD và tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với lý do : “..... Bà đã thông báo cho ông Nguyễn Văn A biết về Quyết định chỉ định số 210/QĐ-CD ông Nguyễn Văn A không đồng ý cho bà thực hiện theo quyết định chỉ định số 201 số 210/QĐ-CD, vì ông Nguyễn Văn A mới có đủ tư cách là người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần tập đoàn cổ phần Thái Hòa Việt Nam, vì vậy đề nghị Tòa án xem xét ra quyết định đình chỉ Quyết định số 201 số 210/QĐ-CD và tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại cho đến khi ông An Được tại ngoại....”. Ngoài ra ông An còn đề nghị Tòa án chỉ định người đại diện cho pháp luật là cổ đông hiện hữu. Xét thấy, theo công văn số 2020/CCTT-ĐKKD ngày 10/7/2020 của sở kế hoạch đầu tư cung cấp thông tin doanh nghiệp

thể hiện theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 20/11/2015 của Công ty cổ phần B, thì Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam có các cổ đông sáng lập là Ông Nguyễn Đăng N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn A ngoài ra không có cổ đông nào khác. Mặt khác, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông An và bà Hạnh đều không xuất trình được các chứng cứ liên quan đến yêu cầu trên. Do vậy Tòa án chỉ định bà Ngô Thị H là người đại diện theo pháp luật cho Công ty cổ phần B là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 13 Luật doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị, quá trình giải quyết vụ án ngày 28/3/2019 và ngày 26/3/2020, Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án không giải quyết đối với phần tài sản thế chấp của hai Công ty này và rút một phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty cổ phần C, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này, Vì vậy Tòa án không đưa Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung hợp đồng tín dụng:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét thấy:

Các Hợp đồng tín dụng xuất khẩu gồm: Hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐTDXK-NHPT.SGDI ngày 26/01/2011; Số 04/2011/HĐTDXK-NHPT.SGDI ngày 26/01/2011; Số 17/2011/HĐTDXK-NHPT.SGDI ngày 08/6/2011; Số 19/2011/HĐTDXK/NHPT.SGDI ngày 15/6/2011; Số 23/2011/HĐTDXK-NHPT.SGDI ngày 22/6/2011; Số 27/2011/HĐTDXK-NHPT.SGDI ngày 28/6/2011 ký kết giữa ngân hàng A- Sở giao dịch I và Công ty cổ phần B được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận toàn bộ khoản nợ gốc và nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi của 06 Hợp đồng tín dụng trên cụ thể : Nợ gốc là 99.807.843.366 đồng; Nợ lãi trong hạn là 6.117.833.330 đồng; Nợ lãi quá hạn là : 241.834.876.194 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.2] Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm :

*18.637.500 cổ phiếu (bao gồm: 17.750.000 cổ phiếu THV cầm cố ban đầu và phần cổ tức năm 2010 phát sinh từ 17.750.000 cổ phiếu THV là 887.500 cổ phiếu THV) theo Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 31/2010/HĐCC-NHPT.SGDI ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSĐCC-

NHPTVN.SGDI ngày 27/5/2011, Hợp đồng bổ sung số 02.31/2010/HĐBSCC-NHPT.SGDI ngày 06/9/2012.

* Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn hộ số 603 (số BQL: B622, diện tích 227,5m²) - Tòa nhà The Manor - Mỹ Đình - Xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm (nay là phường Mỹ Đình 1 - quận Nam Từ Liêm) Thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 666580 do Sở tài nguyên môi trường Hà Nội cấp (theo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) Ngày 10/10/2014 mang tên ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011 .

***Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Trị và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị gồm:**

+Máy tách màu cà phê hiệu GENIUS do Công ty XELTRON (Costaria) sản xuất, xe ô tô Toyota Fortuner 07 chỗ ngồi biển kiểm soát số 74LB-0042, xe ô tô tải GAZ màu trắng biển kiểm soát 74K-6570, hệ thống 02 máy sấy trồng quay sức chứa 24m³/ máy (gồm : 02 máy sấy trồng quay; băng rải ruloo B500-7.5 gom cà phê sau khi sấy; viết tải VT 320-5.5 rải hạt trên trồng sấy; hệ thống máy thổi khí nóng, quạt nhiệt; lò đốt than dầu gián tiếp..) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/ HĐTCTS-NHPT PC ngày 27/6/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/HĐTCTS-NHPT PC ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 09/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 01/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 05/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011.

+ Khách sạn Thái Ninh, nhà điều hành, khu mát xa, nhà bán cà phê và toàn bộ tài sản thiết bị đi kèm, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/ HĐTCTS-NHPT ngày 22/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐSĐBS-NHPT ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 10/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 02/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 06/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011.

***Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Ngân hàng A – chi nhánh Sơn La và Công ty cổ phần C cụ thể:**

+ 03 Nhà thu mua nông sản tại địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản - Xã Chiềng Mung - Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La; Tiểu khu I - Phường Chiềng Sinh - Thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La; Bản Co Pục - Xã Chiềng Ngần - Thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/ HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với Ngân hàng A-Chi nhánh Sơn La; Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2018 .

+ Nhà cửa vật kiến trúc ở Chiềng Mung gồm: Tổng kho thành phẩm; Xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 1), xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 2); Nhà ở công nhân; Nhà văn phòng làm việc; Nhà làm việc số 1; Nhà làm việc số 2; Sân văn phòng; Sân đường bờ kè taluy; Trạm cân điện tử (nhà trạm cân, bàn cân); Bể chứa nước thải (gồm bể có nắp đậy, bể không có nắp đậy); Nhà xưởng xát tươi: nhà xưởng, bể ủ lên men, bể móng máy, bể chứa nguyên liệu, bể chứa nước sản xuất; bể xử lý nước thải; tường rào, nhà 02 tầng, nhà kho mua của Đức Sơn, trạm điện; Nhà cửa vật kiến trúc ở Mường Hồng: Nhà điều hành chăn nuôi tại Mường Hồng; nhà chứa cỏ; trại nuôi lợn; Trại nuôi bò: trại số 01, trại số 02; Trại nuôi nhím; nhà văn phòng, nhà ở nhân viên; Nhà điều hành; Tường rào bao quanh; Máy móc thiết bị : 02 Dây chuyền chế biến cà phê quả ướt; 01 xe con nhãn hiệu Ford Everest; 02 xe nâng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với Ngân hàng A-Chi nhánh Sơn La; Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2018.

*** Tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Ngân hàng A-Chi nhánh Lâm Đồng với Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng (trước đây là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng):**

+ Hệ thống máy sấy cà phê, hệ thống máy đánh bóng, rửa nước kiên hoàn làm ráo sơ bộ; Hệ thống chế biến cà phê quả tươi, hệ thống máy sấy tĩnh và thiết bị liên kết, hệ thống máy sấy tĩnh..... Tổng giá trị tài sản thế chấp là 95.778.770.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 19/02/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay sửa đổi, bổ sung số 02/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 16/12/2011.

+ Các tài sản hình thành sau đầu tư theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010655 và số BA 010680 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 01/7/2010. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 92.545.314.958 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất số 01/2010/HĐTCTS(GLVĐ)-NHPT ngày 12/7/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất sửa đổi, bổ sung số 03/2011/HĐTCTS (GLVĐ)-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011 .

+ Hệ thống trồng quay (04 máy); xe nâng; Xe xúc đào đất. Tổng giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 4.564.723.808 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2007/ HĐTCTS ngày 12/9/2007, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2008/ HĐTCTS ngày 10/8/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 01A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

+ Xe ô tô Toyota Fotuner. Giá trị định giá của tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 935.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTC TS ngày 19/11/2007, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 02B/2008/HĐTCTS ngày 08/01/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 02C/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

+ 03 xe nâng Komatsu Giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 1.013.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2008/ HĐTCTS-NHPT ngày 18/11/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

Ngày 28/3/2019, Ngân hàng A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị và một phần tài sản của Công ty cổ phần C theo các hợp đồng thế chấp ở trên. Tài sản thế chấp của Công ty cổ phần C Ngân hàng chỉ yêu cầu tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản là 03 Nhà thu mua nông sản, các tài sản khác không yêu cầu giải quyết, vì các tài sản này đã được bán đấu giá. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết đối với các tài sản thế chấp mà Nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Đối với tài sản thế chấp của Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng (Trước đây là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng). Tại phần nhận định của bản án cấp sơ thẩm có nhận định nhưng tại phần quyết định lại không tuyên là có thiếu sót. Tuy nhiên, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hơn nữa, ngày 26/3/2020 Ngân hàng A có công văn số 312/NHPT.SGDI-TDXK đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết xử lý đối với các tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Đăng N, bà Ngô Thị H cho rằng tài sản thế chấp là căn hộ 603 B622 tầng 6 tòa nhà The Manor Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội là tài sản chung của cả gia đình, khi thế chấp anh Ninh không ký vào hợp đồng thế chấp là không đúng với quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Hội đồng xét xử xét thấy, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện cuối năm 2009 vợ chồng ông An, bà Hạnh mua căn hộ B622 –CT3 Tòa nhà The Manor Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội của vợ chồng bà Lan, ông Hà, sau đó lại ký hợp đồng mua bán với công ty BiTexco. Ngày 27/6/2011, ông An, bà Hạnh ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần B. Sau khi nhận thế chấp Ngân hàng đã thực hiện việc giao dịch đảm bảo theo hình thức quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ. Ngày 10/10/2014 Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 666580 cho ông Nguyễn Văn A và bà Ngô Thị H. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản

khác gắn liền với đất thì ông An, bà Hạnh đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên tòa ông An, anh Ninh đều không xuất trình được chứng cứ để chứng minh về việc anh Ninh có đóng góp công sức vào việc mua nhà và sửa chữa diện tích nhà này, do vậy không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của ông An, bà Hạnh và anh Ninh.

Xét thấy, về hình thức và nội dung của các hợp đồng thế chấp trên đều phù hợp với quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

+ 18.637.500 cổ phiếu (bao gồm: 17.750.000 cổ phiếu THV cầm cố ban đầu và phần cổ tức năm 2010 phát sinh từ 17.750.000 cổ phiếu THV là 887.500 cổ phiếu THV). Mệnh giá cổ phiếu THV: 10.000 đồng/cổ phiếu theo Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 31/2010/HĐC-NHPT.SGDI ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSĐCC/NHPTVN.SGDI ngày 27/5/2011, Hợp đồng bổ sung số 02.31/2010/HĐBSCC-NHPT.SGDI ngày 06/9/2012 ký giữa Ngân hàng A-Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A (*Bên cầm cố*):

+ Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với căn hộ số 603 (số BQL: B622, diện tích 227,5m²) - Tòa nhà The Manor - Mỹ Đình - Xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm (nay là Phường Mỹ Đình 1 - Quận Nam Từ Liêm) - Thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 666580 do Sở tài nguyên Môi trường Hà Nội cấp (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) ngày 10/10/2014 mang tên Ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011.

+ 03 Nhà thu mua nông sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với VDB-Chi nhánh Sơn La; Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2018 ký giữa Công ty Cổ phần C, Công ty Cổ phần B, Ngân hàng A - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng A - Sở Giao dịch I.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị, Công ty cổ phần cà

phê Thái Hòa Lâm Đồng; một phần tài sản thế chấp của Công ty cổ phần C, cụ thể như sau:

***Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Ngân hàng A – chi nhánh Sơn La và Công ty cổ phần C gồm:**

+Nhà cửa vật kiến trúc ở Chiềng Mung gồm: Tổng kho thành phẩm; Xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 1), xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 2); Nhà ở công nhân; Nhà văn phòng làm việc; (Nhà làm việc số 1; Nhà làm việc số 2); Sân văn phòng; Sân đường bờ kè taluy; Trạm cân điện tử (nhà trạm cân, bàn cân); Bể chứa nước thải (gồm bể có nắp đậy, bể không có nắp đậy); Nhà xưởng xát tươi: nhà xưởng, bể ủ lên men, bể móng máy, bể chứa nguyên liệu, bể chứa nước sản xuất; bể xử lý nước thải; tường rào, nhà 02 tầng, nhà kho mua của Đức Sơn, trạm điện; Nhà cửa vật kiến trúc ở Mường Hồng: Nhà điều hành chăn nuôi tại Mường Hồng; nhà chứa cỏ; trại nuôi lợn; Trại nuôi bò: trại số 01, trại số 02; Trại nuôi nhím; nhà văn phòng, nhà ở nhân viên; Nhà điều hành; Tường rào bao quanh; Máy móc thiết bị : 02 Dây chuyền chế biến cà phê quả ướt; 01 xe con nhãn hiệu Ford Everest; 02 xe nâng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Ngân hàng A- Chi nhánh Sơn La và Công ty cổ phần C theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với Ngân hàng A -Chi nhánh Sơn La .

***Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Trị và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị gồm:**

+ Máy tách màu cà phê hiệu GENIUS do Công ty XELTRON (Costaria) sản xuất, xe ô tô Toyota Fortuner 07 chỗ ngồi biển kiểm soát số 74LB-0042, xe ô tô tải GAZ màu trắng biển kiểm soát 74K-6570, hệ thống 02 máy sấy trồng quay súc chứa 24m3/ máy (gồm : 02 máy sấy trồng quay; băng rải rulô B500-7.5 gom cà phê sau khi sấy; vít tải VT 320-5.5 rải hạt trên trồng sấy; hệ thống máy thổi khí nóng, quạt nhiệt; lò đốt than đá gián tiếp..). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/ HĐTCTS-NHPT PC ngày 27/6/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/HĐTCTS-NHPT PC ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 09/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 01/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 05/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011.

+ Khách sạn Thái Ninh, nhà điều hành, khu mát xa, nhà bán cà phê và toàn bộ tài sản thiết bị đi kèm. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 22/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 10/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 02/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 06/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011.

*** Tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp ký giữa ngân hàng A-Chi nhánh Lâm Đồng và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng (Nay là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng) gồm:**

+ Hệ thống máy sấy cà phê, hệ thống máy đánh bóng, rửa nước liên hoàn làm ráo sơ bộ; Hệ thống chế biến cà phê quả tươi, hệ thống máy sấy tĩnh và thiết bị liên kết, hệ thống máy sấy tĩnh..... Tổng giá trị tài sản thế chấp là 95.778.770.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 19/02/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay sửa đổi, bổ sung số 02/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 16/12/2011.

+ Các tài sản hình thành sau đầu tư theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010655 và số BA 010680 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 01/7/2010. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 92.545.314.958 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất số 01/2010/HĐTCTS(GLVĐ)-NHPT ngày 12/7/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất sửa đổi, bổ sung số 03/2011/HĐTCTS (GLVĐ)-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011 .

+ Hệ thống trồng quay (04 máy); xe nâng; Xe xúc đào đất. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 4.564.723.808 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2007/HĐTCTS ngày 12/9/2007, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2008/HĐTCTS ngày 10/8/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 01A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

+ Xe ô tô Toyota Fotuner. Giá trị tài sản thế chấp là 935.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTCTS ngày 19/11/2007, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 02B/2008/HĐTCTS ngày 08/01/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 02C/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

+ 03 xe nâng Komatsu Giá trị tài sản thế chấp là 1.013.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2008/ HĐTCTS-NHPT ngày 18/11/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

[2.3] Đối với yêu cầu của Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam đề nghị Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam thanh toán trả cho công ty số tiền lưu ký 18.637.500 cổ phiếu 341.807.931 đồng (số liệu tính đến tháng 2/2019). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam về vấn đề này, tuy nhiên Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam không có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết về số

tiền phí lưu ký này, nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, giành quyền khởi kiện đối với yêu cầu này cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông An, anh Ninh.

Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng A phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên “...Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam phải thanh toán trả cho Ngân hàng A- Sở giao dịch I khoản tiền nợ gốc lãi” là không chính xác, cần phải sửa Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam phải thanh toán trả cho Ngân hàng A khoản tiền nợ gốc lãi tính đến ngày 30/5/2019 là: 347.760,552,890 đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên “Án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VDB – Sở giao dịch I có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là....” là không đúng, cần phải sửa thành Trường hợp Công ty cổ phần tập đoàn cà phê Thái Hòa Việt Nam không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm về việc này.

Từ những phân tích trên, cần sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, bà Ngô Thị H, anh Nguyễn Đăng N không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn A, bà Hạnh, anh Ninh phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220, 227, 228 và khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,344,351,471,476,478,715,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Khoản 7 Điều 13 Luật doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 31 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phát triển Việt Nam đối với Công ty cổ phần B.

2. Buộc Công ty Cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng A khoản tiền nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng xuất khẩu giữa Ngân hàng phát triển Việt Nam và Công ty cổ phần B. Tính đến ngày 30/5/2019 với tổng số tiền là: 347.760.552.890 đồng. Trong đó nợ gốc là : 99.807.843.366 đồng; nợ lãi trong hạn là : 6.117.833.330 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 241.834.876.194 đồng . cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 03/2011/HĐ TDXK-NHPT.SGDI ngày 26/01/2011 tổng số tiền là: 22.983.314,781 đồng trong đó nợ gốc là : 1.172.843.366 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 878.750.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 20.931.721.415 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 04/2011/HĐ TDXK-NHPT.SGDI ngày 26/01/2011 tổng số tiền là 62.494.438.602 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 18.700.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 1.355.750.001 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 42.438.688.601 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 17/2011/HĐ TDXK-NHPT.SGDI ngày 08/6/2011 tổng số tiền nợ là 65.595.978.336 đồng. Trong đó nợ gốc là 19.935.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 1.066.666.666 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 44.594.311.670 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 19/2011/HĐ TDXK/NHPT. SGDI ngày 15/6/2011 tổng số tiền là 65.633.022.611 đồng. trong đó nợ gốc là 20.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 983.333.332 đồng; nợ lãi quá hạn là: 44.649.689.279 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 23/2011/HĐ TDXK-NHPT.SGDI ngày 22/6/2011 tổng số tiền là: 65.540.164.699 đồng. Trong đó nợ gốc là 20.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 924.999.999 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 44.615.164.700 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 27/2011/HĐ TDXK-NHPT.SGDI ngày 28/6/2011 tổng số là 65.513.633.861 đồng. Trong đó Nợ gốc : 20.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 908.333.332 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 44.605.300.529 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2019) Công ty cổ phần B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng xuất khẩu cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng A.

Trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

+ 18.637.500 cổ phiếu (bao gồm: 17.750.000 cổ phiếu THV cầm cố ban đầu và phần cổ tức năm 2010 phát sinh từ 17.750.000 cổ phiếu THV là 887.500 cổ phiếu THV). Theo Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 31/2010/HĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01.31/2010/HĐSĐCC/NHPT.SGDI ngày 27/5/2011, Hợp đồng bổ sung số 02.31/2010/HĐBSCC/NHPT.SGDI ngày 06/9/2012 ký giữa VDB-Sở Giao dịch I với Ông Nguyễn Văn A.

+ Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn hộ số 603 (số BQL: B622, diện tích 227,5m²) - Tòa nhà The Manor - Mỹ Đình - Xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm (nay là Phường Mỹ Đình 1 - Quận Nam Từ Liêm) - Thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 666580 do Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) ngày 10/10/2014 mang tên ông Nguyễn Văn A và Bà Ngô Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011.

+ 03 Nhà thu mua nông sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với VDB-Chi nhánh Sơn La; Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2018 ký giữa Công ty Cổ phần C, Công ty Cổ phần B, Ngân hàng A-Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng A-Sở Giao dịch I. Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0154138, A0154139, A0154140 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 17/7/2009

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị, Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng; Một phần tài sản thế chấp của Công ty cổ phần C, cụ thể như sau: sau:

***Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Ngân hàng A – chi nhánh Sơn La và Công ty cổ phần C gồm:**

+ Nhà cửa vật kiến trúc ở Chiềng Mung gồm: Tổng kho thành phẩm; Xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 1), xưởng sản xuất thức ăn gia súc (xưởng 2); Nhà ở công nhân; Nhà văn phòng làm việc; (Nhà làm việc số 1; Nhà làm việc số 2); Sân văn phòng; Sân đường bờ kè taluy; Trạm cân điện tử (nhà trạm cân, bàn cân); Bể chứa nước thải (gồm bể có nắp đậy, bể không có nắp đậy); Nhà xưởng xát tơi: nhà xưởng, bể ủ lên men, bể móng máy, bể chứa nguyên liệu, bể chứa nước sản xuất; bể xử lý nước thải; tường rào, nhà 02 tầng, nhà kho mua của Đức Sơn, trạm điện; Nhà cửa vật kiến trúc ở Mường Hồng: Nhà điều hành chăn nuôi tại Mường Hồng; nhà chứa cỏ; trại nuôi lợn; Trại nuôi bò:

trại số 01, trại số 02; Trại nuôi nhím; nhà văn phòng, nhà ở nhân viên; Nhà điều hành; Tường rào bao quanh; Máy móc thiết bị : 02 Dây chuyền chế biến cà phê quả ướt; 01 xe con nhãn hiệu Ford Everest; 02 xe nâng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Ngân hàng A- Chi nhánh Sơn La và Công ty cổ phần C theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 28/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi bổ sung số 11/2012/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 25/10/2012 ký giữa Công ty Cổ phần C với Ngân hàng A -Chi nhánh Sơn La .

***Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Trị và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị gồm:**

+ Máy tách màu cà phê hiệu GENIUS do Công ty XELTRON (Costaria) sản xuất, xe ô tô Toyota Fortuner 07 chỗ ngồi biển kiểm soát số 74LB-0042, xe ô tô tải GAZ màu trắng biển kiểm soát 74K-6570, hệ thống 02 máy sấy trồng quay sức chứa 24m3/ máy (gồm : 02 máy sấy trồng quay; băng rải rulô B500-7.5 gom cà phê sau khi sấy; vít tải tải VT 320-5.5 rải hạt trên trồng sấy; hệ thống máy thổi khí nóng, quạt nhiệt; lò đốt than đá gián tiếp..). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/ HĐTCTS-NHPT PC ngày 27/6/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2008/HĐTCTS-NHPT PC ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 09/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 01/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 05/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011.

+ Khách sạn Thái Ninh, nhà điều hành, khu mát xa, nhà bán cà phê và toàn bộ tài sản thiết bị đi kèm. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 22/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2008/HĐTCSĐBS-NHPT ngày 02/7/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 10/2010/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 18/11/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 02/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 09/6/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 06/2011/HĐTCTSSĐ-NHPT ngày 28/6/2011.

*** Tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp ký giữa ngân hàng A- Chi nhánh Lâm Đồng và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng (Nay là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng) gồm:**

+ Hệ thống máy sấy cà phê, hệ thống máy đánh bóng, rửa nước liên hoàn làm ráo sơ bộ; Hệ thống chế biến cà phê quả tươi, hệ thống máy sấy tĩnh và thiết bị liên kết, hệ thống máy sấy tĩnh..... Tổng giá trị tài sản thế chấp là 95.778.770.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 19/02/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay sửa đổi, bổ sung số 02/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 04A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 16/12/2011.

+ Các tài sản hình thành sau đầu tư theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010655 và

số BA 010680 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 01/7/2010. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 92.545.314.958 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất số 01/2010/HĐTCTS(GLVĐ)-NHPT ngày 12/7/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư gắn liền với đất sửa đổi, bổ sung số 03/2011/HĐTCTS (GLVĐ)-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 28/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011 .

+ Hệ thống trồng quay (04 máy); xe nâng; Xe xúc đào đất. Tổng giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 4.564.723.808 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2007/ HĐTCTS ngày 12/9/2007, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2008/ HĐTCTS ngày 10/8/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 01A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

+ Xe ô tô Toyota Fotuner. Giá trị định giá của tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 935.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTC TS ngày 19/11/2007, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 02B/2008/HĐTCTS ngày 08/01/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 02C/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

+ 03 xe nâng Komatsu Giá trị định giá của các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ban đầu là 1.013.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2008/ HĐTCTS-NHPT ngày 18/11/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 05A/2011/HĐTCTS-SĐBS-NHPT-LĐO ngày 15/11/2011.

Nếu sau này Ngân hàng A có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn A, bà Ngô Thị H, Anh Nguyễn Đăng N đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011 là vô hiệu.

5. Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn A yêu cầu thanh toán tiền lưu ký tài khoản chứng khoán của ông Nguyễn Văn A tại Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam bằng một vụ kiện dân sự khác.

6. Về án phí:

+ Án phí Sơ thẩm: Công ty Cổ phần tập đoàn Thái Hòa phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 455.760.553 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm năm mươi ba đồng). Hoàn trả Ngân hàng A 159.897.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004741 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

+ Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Đăng N mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí các ông, bà đã nộp theo các phiếu thu số 0008938; 0008831; 0008830 ngày 02/7/2019 và ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS TP Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thanh Bình. Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Chi cục THADS TP Hà Nội;*
- *TAND quận Đống Đa*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- TAND H. Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng

